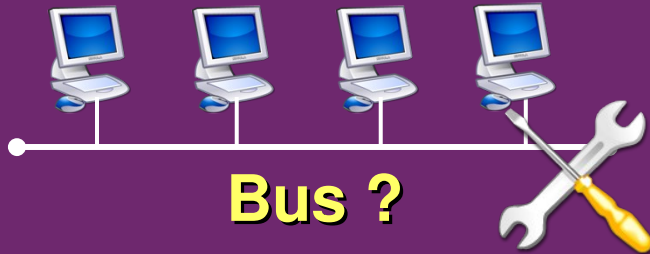


*** windows for workgroup.**



I. THIẾT LẬP HỆ THỐNG WINDOWS FOR WORKGROUP.

1. Topology - mô hình mạng.




2. Protocol - chọn giao thức.

IPX/SPX 

Serial 

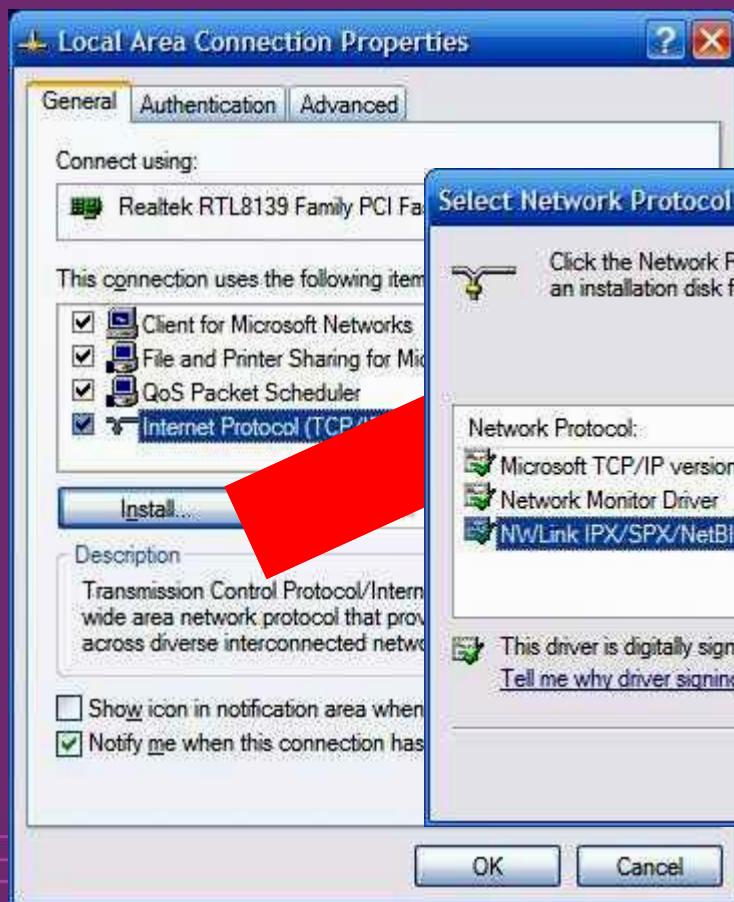
Frame Relay 

Apple Talk 

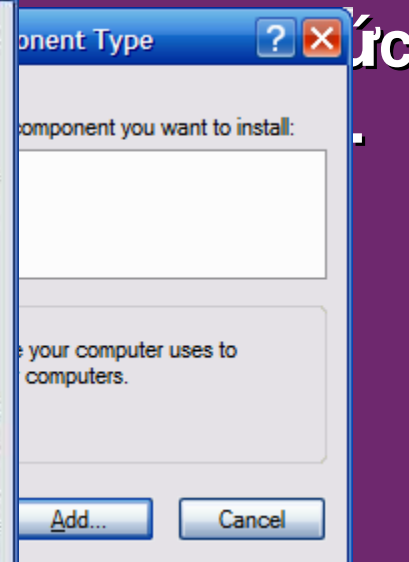
TCP/IP 



- Trong hộp thoại Properties của card mạng ta thấy :



- Mặc định hđh đã tích hợp sẵn các giao thức cần thiết



- Click Add...

3. Bấm cable - Kết nối thiết bị.



4. Chọn NetID - Gán IP cho host.

***Public Address**



Class A.
host > 65534

***Private Address**



Class B.
host > 254

Class C.
host < 254



*Khai báo IP Address.

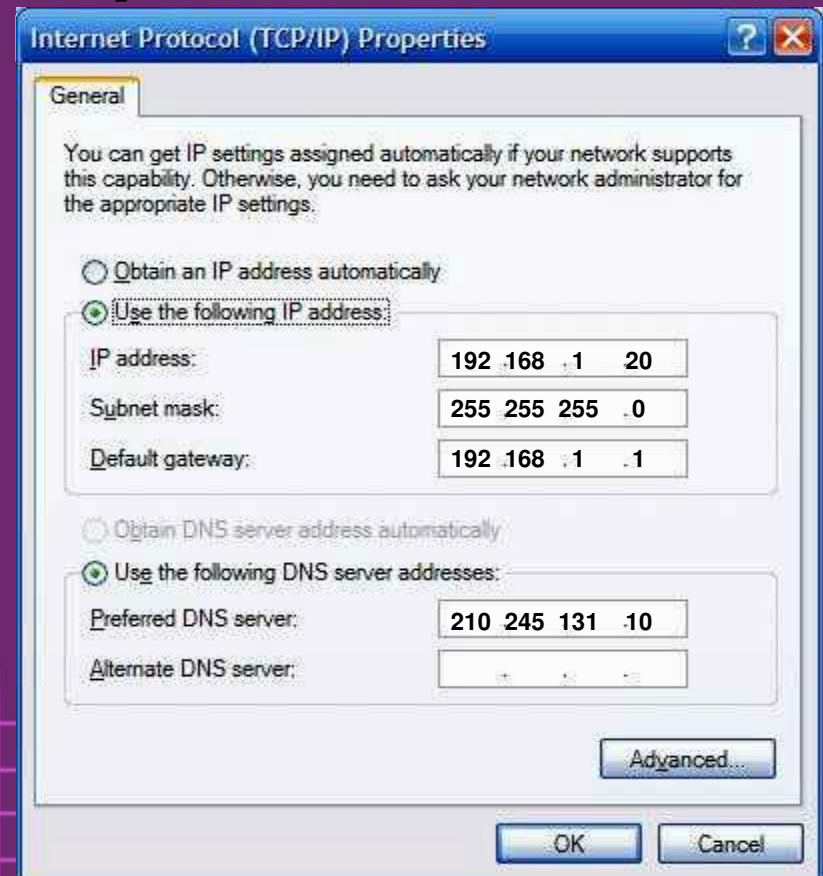
- Để kết nối tốt với mạng, PC cần phải có thông số TCP/IP phù hợp, cụ thể là IP address.
- PC có được IP address bằng 2 cách :
 - Do 1 Server trên mạng phụ trách việc cấp phát địa chỉ IP động (Dynamic IP Address).
 - Do người sử dụng máy hoặc quản trị mạng tự tay khai báo (Static IP Address).




* Tự khai báo IP address.

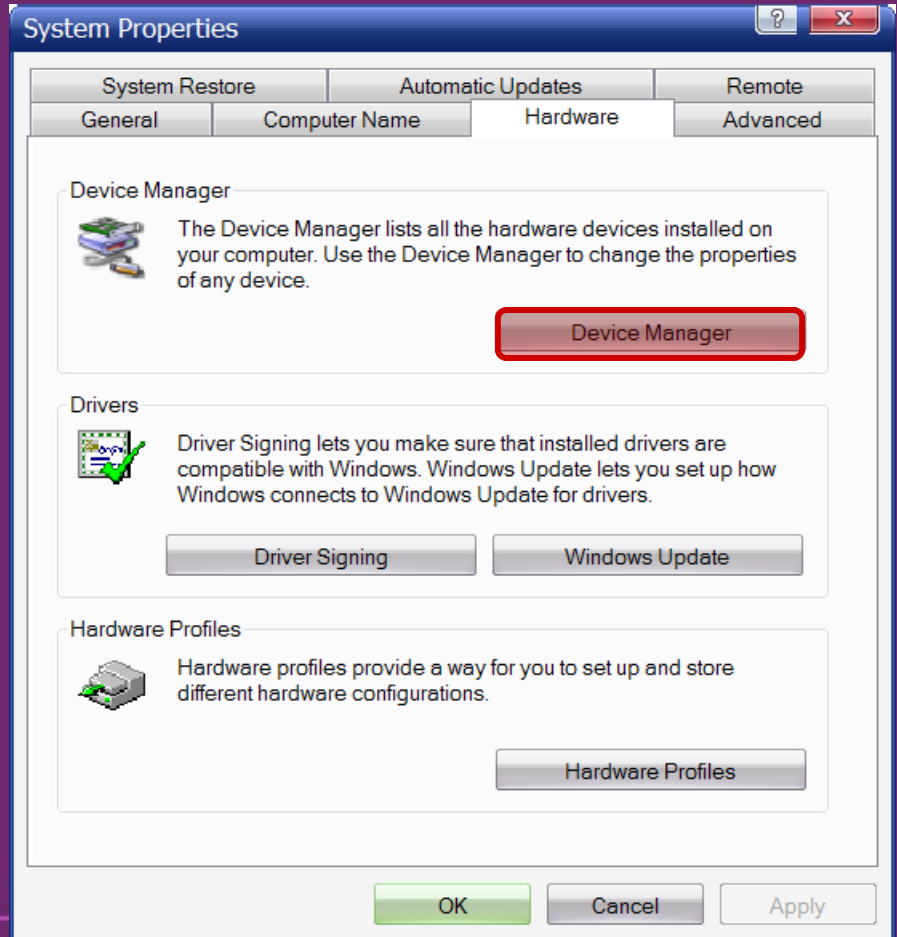
- Cũng trong cửa sổ Properties

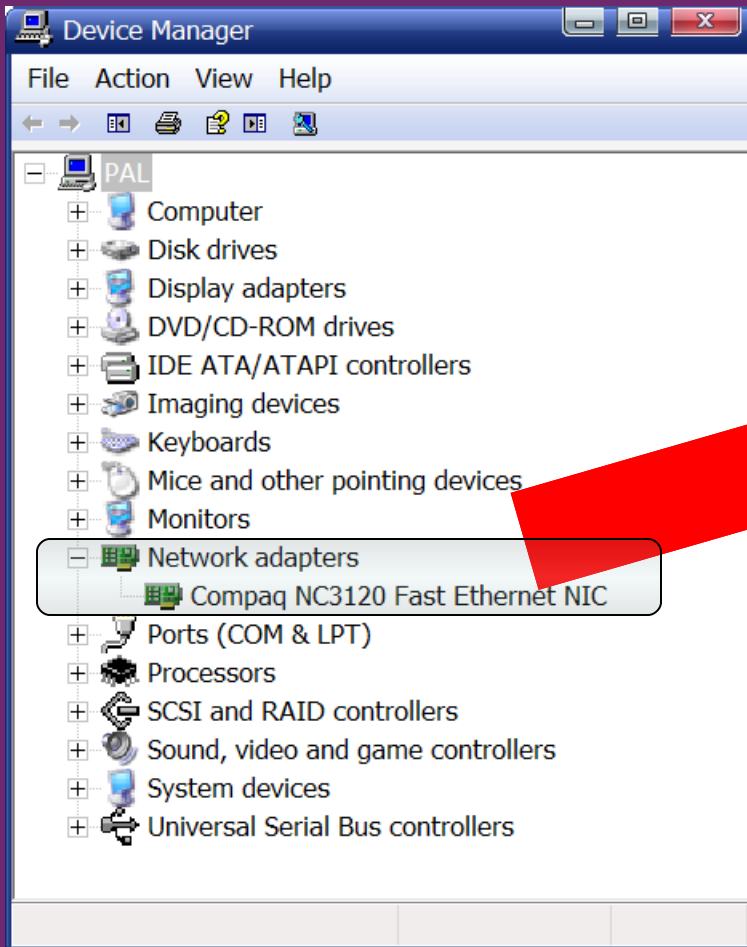
- Chọn Use the following IP...
- Nhập thông số cấu hình
- Chọn TCP/IP click



5. Kiểm tra các cấu hình và nối kết.

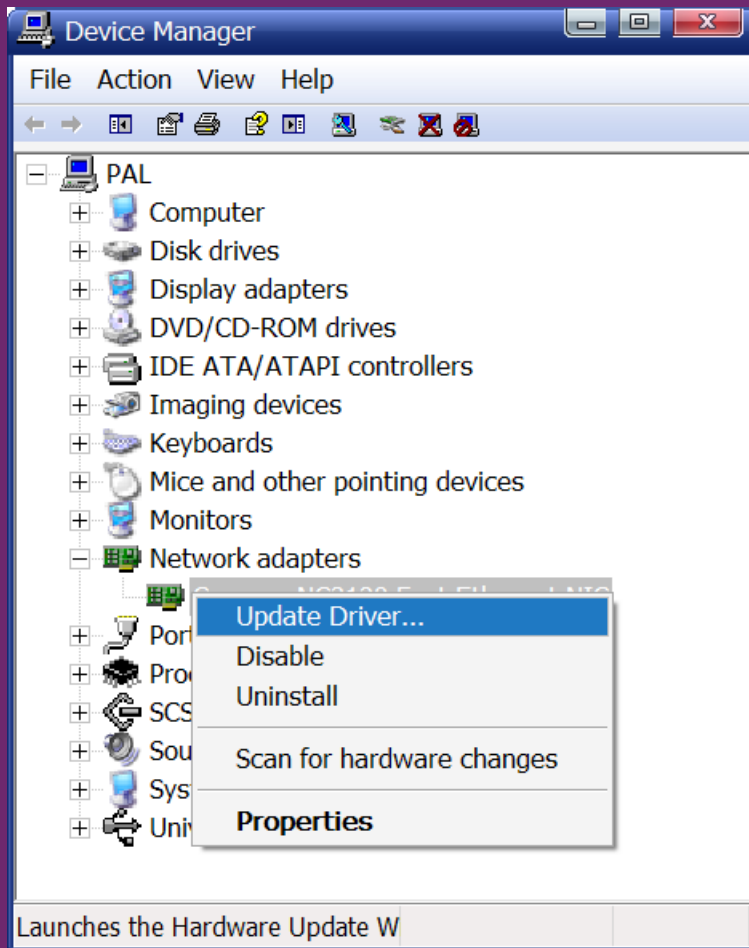
- Start  Settings 
Control panel 
System  Hardware
- Click vào nút
Device Manager





- Trong cửa sổ Device Manager click vào Network Adapters
- Các NIC được gắn vào máy sẽ xuất hiện icon nơi đó.
- Nếu xuất hiện dấu (X) : NIC bị Disable.
Dấu (?) hệ thống chưa nhận ra thiết bị, phải cài driver cho NIC





- **Right click vào biểu tượng card mạng.**
- **Xuất hiện menu ngữ cảnh có nhiều tùy chọn cho phép ta thao tác với card mạng đó.**



Kiểm tra địa chỉ IP của máy

Mở Command Prompt nhập “**ipconfig_ /all**” ←

```
C:\WINDOWS\system32\cmd.exe
Microsoft Windows XP [Version 5.1.2600]
(C) Copyright 1985-2001 Microsoft Corp.

C:\Documents and Settings\PhanDung>ipconfig /all

Windows IP Configuration

    Host Name . . . . . : dung_pc
    Primary Dns Suffix . . . . . :
    Node Type . . . . . : Unknown
    IP Routing Enabled. . . . . : No
    WINS Proxy Enabled. . . . . : No

Ethernet adapter Ex:

    Connection-specific DNS Suffix . . . :
    Description . . . . . : Realtek RTL8139 Family PCI Fast Ethernet NIC
    Physical Address. . . . . : 00-08-A1-8E-41-F2
    Dhcp Enabled. . . . . : No
    IP Address. . . . . : 192.168.1.99
    Subnet Mask . . . . . : 255.255.255.0
    Default Gateway . . . . . : 192.168.1.1
    DNS Servers . . . . . : 210.245.31.130
    . . . . . : 210.245.31.10

Ethernet adapter Wireless Network Connection:

    Connection-specific DNS Suffix . . . :
    Description . . . . . : Linksys Wireless-G USB Network Adapter
    Physical Address. . . . . : 00-18-39-03-30-AE
    Dhcp Enabled. . . . . : Yes
    Autoconfiguration Enabled . . . . . : Yes
    IP Address. . . . . : 192.168.0.100
    Subnet Mask . . . . . : 255.255.255.0
    Default Gateway . . . . . : 192.168.0.1
    DHCP Server . . . . . : 192.168.0.1
    DNS Servers . . . . . : 192.168.0.1
    Lease Obtained. . . . . : Thursday, September 21, 2006 7:24:53 AM
    Lease Expires . . . . . : Thursday, September 28, 2006 7:24:53 AM

C:\Documents and Settings\PhanDung>
```



- Kiểm tra sự thông mạng bằng lệnh: Ping “IP máy đích”

```
C:\WINDOWS\system32\cmd.exe

Pinging 192.168.1.1 with 32 bytes of data:
Reply from 192.168.1.1: bytes=32 time=1ms TTL=254
Reply from 192.168.1.1: bytes=32 time<1ms TTL=254
Reply from 192.168.1.1: bytes=32 time<1ms TTL=254
Reply from 192.168.1.1: bytes=32 time<1ms TTL=254

Ping statistics for 192.168.1.1:
    Packets: Sent = 4, Received = 4, Lost = 0 (0% loss),
    Approximate round trip times in milli-seconds:
        Minimum = 0ms, Maximum = 1ms, Average = 0ms
```

Máy này và máy
có số IP 192.168.1.1
kết nối tốt.



Máy này và máy
có số IP 192.168.1.222
không kết nối được.



Card mạng có sự cố,
không hoạt động (có
thể bị Disable)

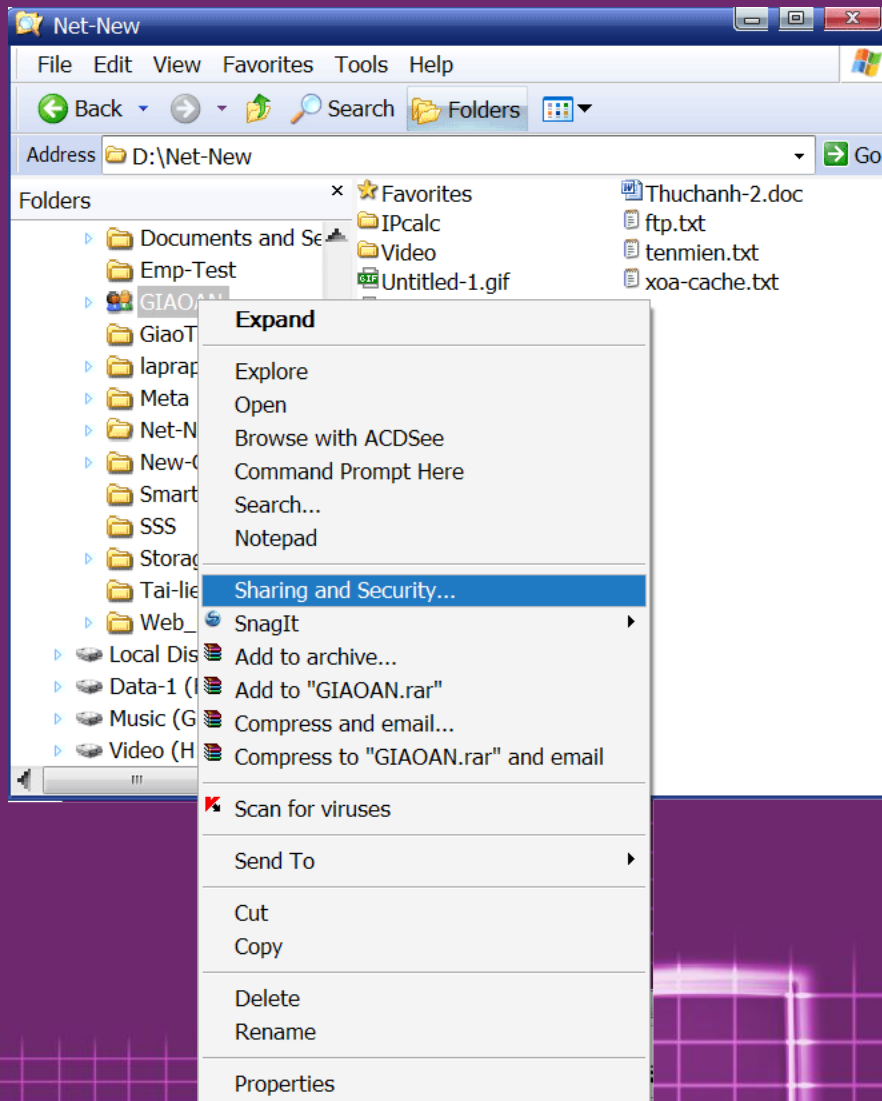
6. Chia sẻ tài nguyên.

* Mặc định.

- Chỉ tài khoản thuộc group Administrators mới được quyền chia sẻ tài nguyên trong máy lên mạng.
- Tài khoản thuộc Users không được phép sharing tài nguyên lên mạng, cho dù đó là thư mục chính mình tạo ra.

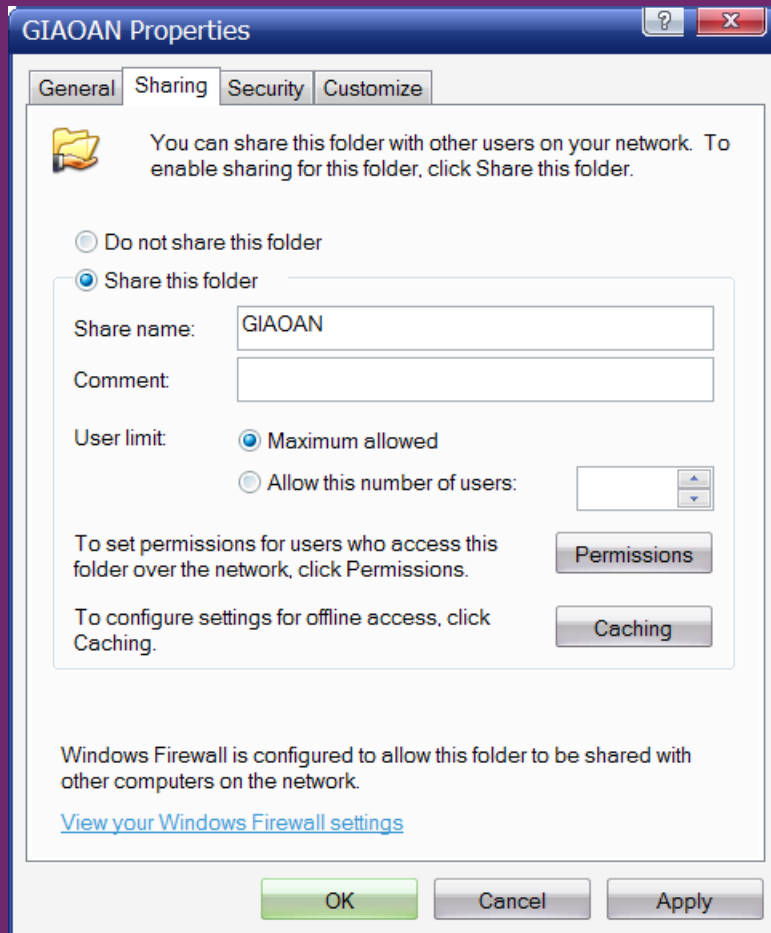


** Sharing.



- Right click vào thư mục muốn chia sẻ, chọn Sharing and Security hoặc Properties.

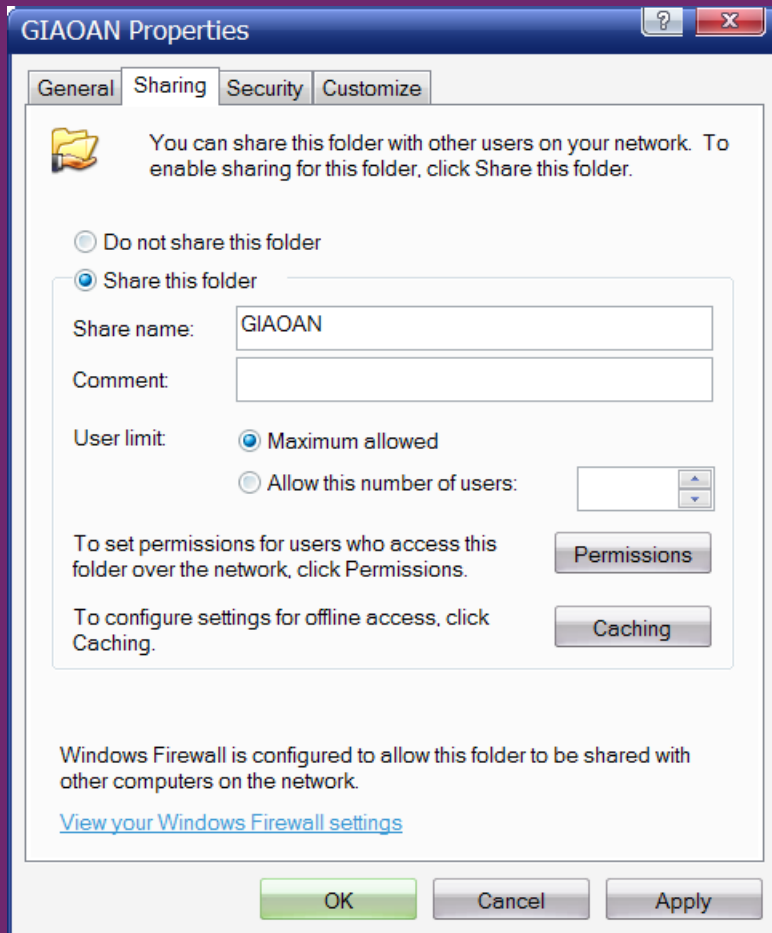
** Sharing.



- Trong Tab Sharing ta thấy mặc định thư mục không được chia sẻ.
- Check vào ô “Share this folder”
- Nhập tên hiển thị trên mạng cho tm này trong ô Share name nếu cần thiết.



** Sharing.



- **User limit :**

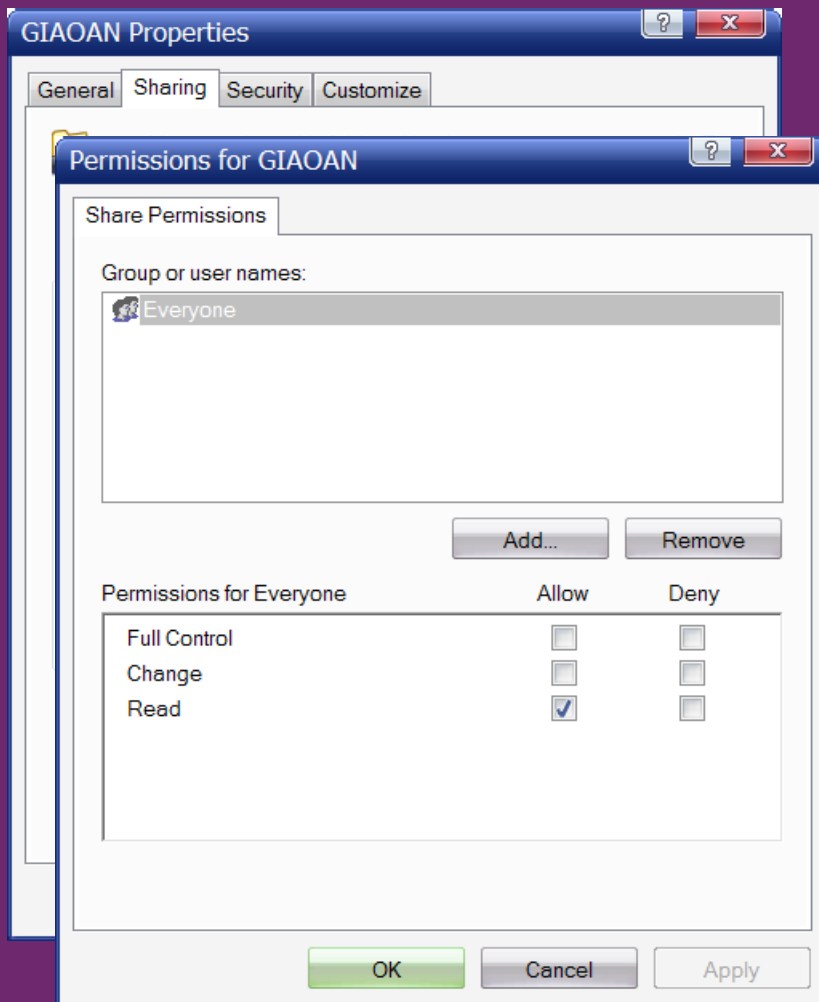
- **Mặc định cho phép số kết nối cùng lúc là tối đa.**

- **Nếu muốn cấu hình check vào ô “Allow this number of users”.**

- **Nhập số kết nối tối đa cho phép vào. XP chỉ cho tối đa 10 kết nối.**

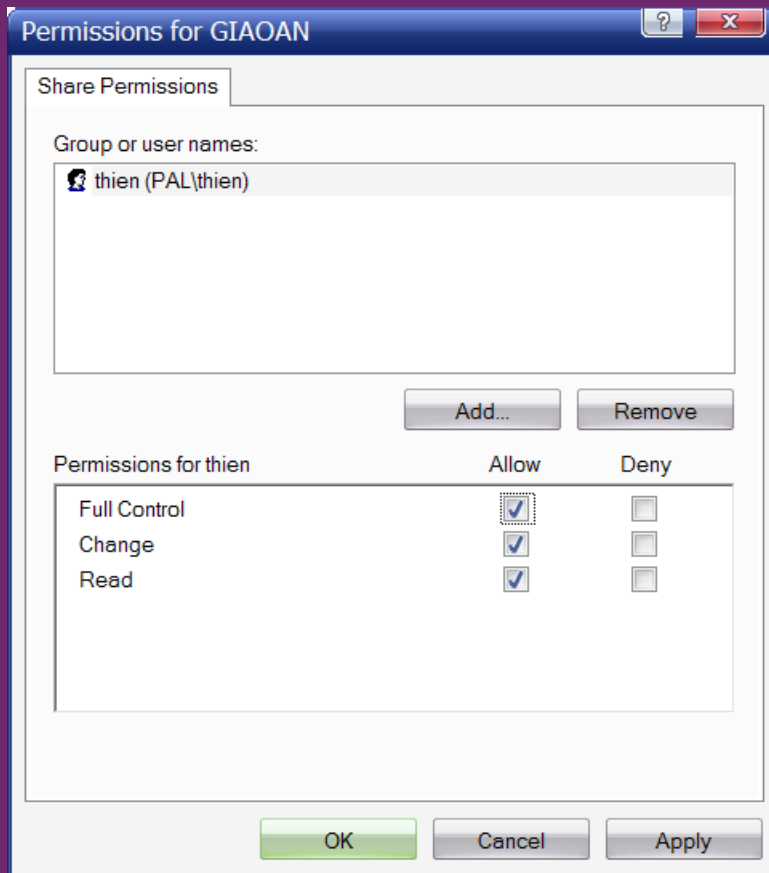


** Sharing.



- Để cấp quyền cho user truy cập folder này từ mạng, click vào nút Permissions.
- Mặc định mọi người đều có thể truy cập folder này thông qua kết nối mạng với quyền Read.
- Cấp thêm hoặc thay đổi quyền truy cập bằng 2 nút Add... hoặc Remove.

** Sharing.



- Mọi người khi truy cập tài nguyên từ máy khác trên mạng có 3 quyền cụ thể là : Full Control, Change và Read.

- Ta có thể set cho từng user một tùy theo nhu cầu sử dụng.





- **Chú ý :**

Các quyền truy cập folder đã được chia sẻ thực thi như thế nào còn tùy thuộc Local Policy và việc thư mục đó có được bảo mật hay không.



** Cài đặt và chia sẻ máy in.

- ▣ Ở máy tính có kết nối trực tiếp máy in
Từ Start  Settings  Printers and Faxes
 - Click vào mục Add a printer.



Add Printer Wizard

Select a Printer Port

Computers communicate with printers through ports.



Select the port you want your printer to use. If the port is not listed, you can create a new port.

Use the following port: LPT1: (Recommended Printer Port) ▾

Note: Most computers use the LPT1: port to communicate with a local printer. The connector for this port should look something like this:



Create a new port:
Type of port: Local Port ▾

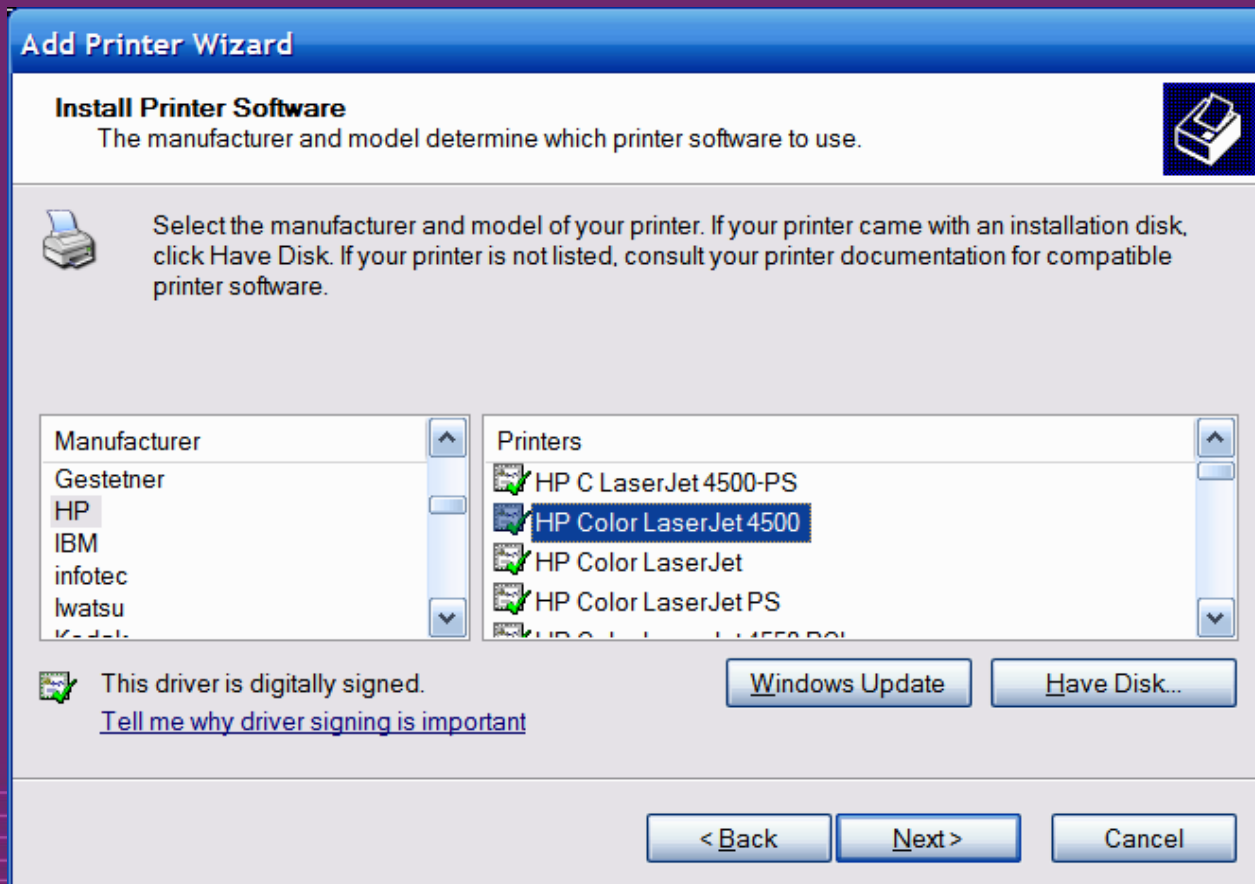
< Back

Next >

Cancel

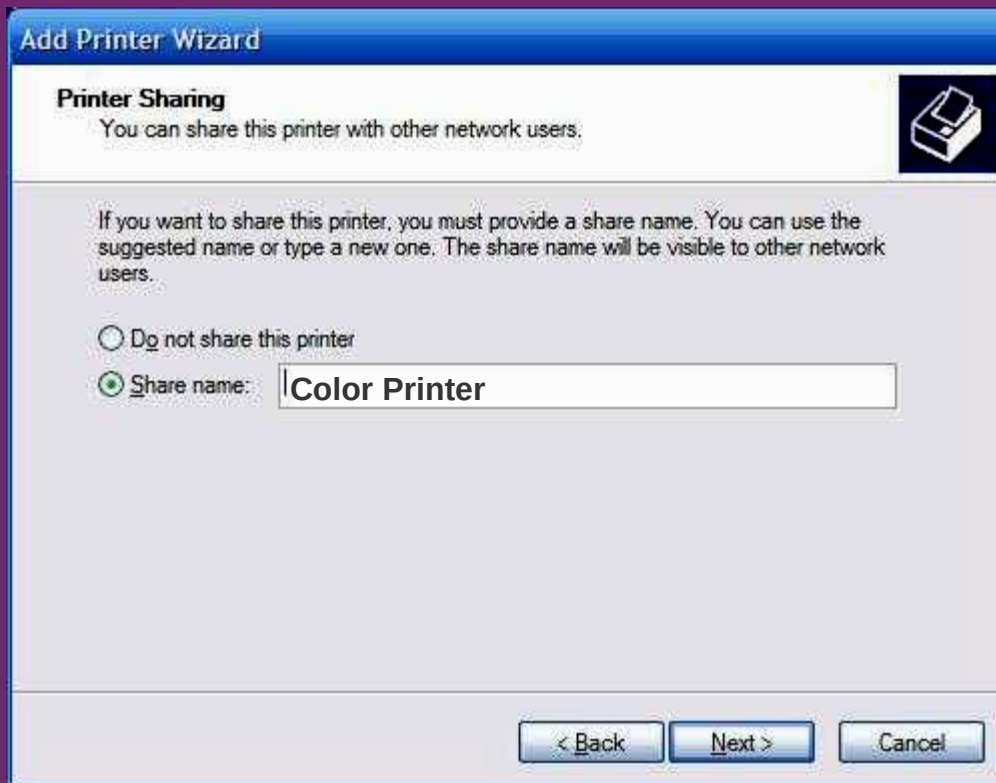


- Tìm model máy đang sử dụng trong 2 khung dưới
- Nếu có đĩa Driver thì đưa vào ổ CD và nhấn Have Disk...



- Chỉ đường dẫn đến tập tin chứa driver.


- **Đặt tên cho máy in** ➡ **Next.**
- **Check vào ô Share name, đặt lại tên cho máy hay không tùy ý.**



- **Đây là tên mà các PC trên mạng sẽ nhận dạng máy in này.**

- Nhập thêm các thông tin cho máy in này, các thông tin này nhằm giúp người dùng dễ nhận dạng, tìm kiếm trên mạng, nhất là trong Domain, click Next



- Có thể in thử vài trang nếu cần  Next
- Hộp thoại thông báo quá trình khai báo hoàn tất, click Finish bắt đầu cài đặt.

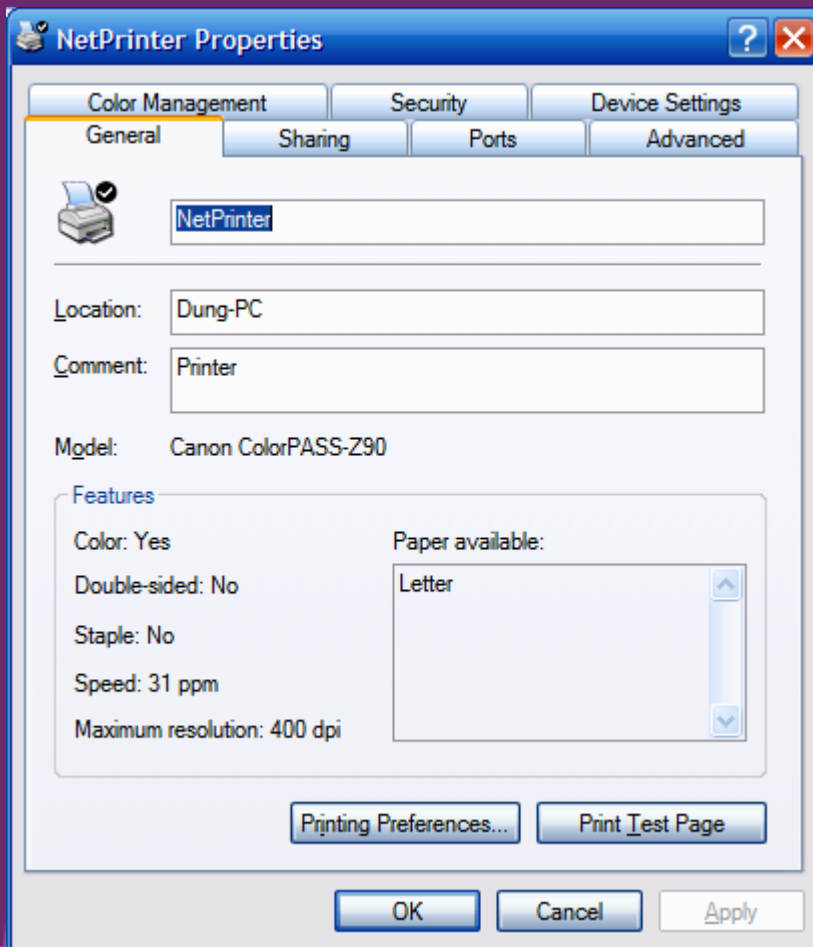


- Bắt đầu quá trình cài đặt



- Biểu tượng máy in xuất hiện bàn tay bên dưới trong cửa sổ Printers and Faxes

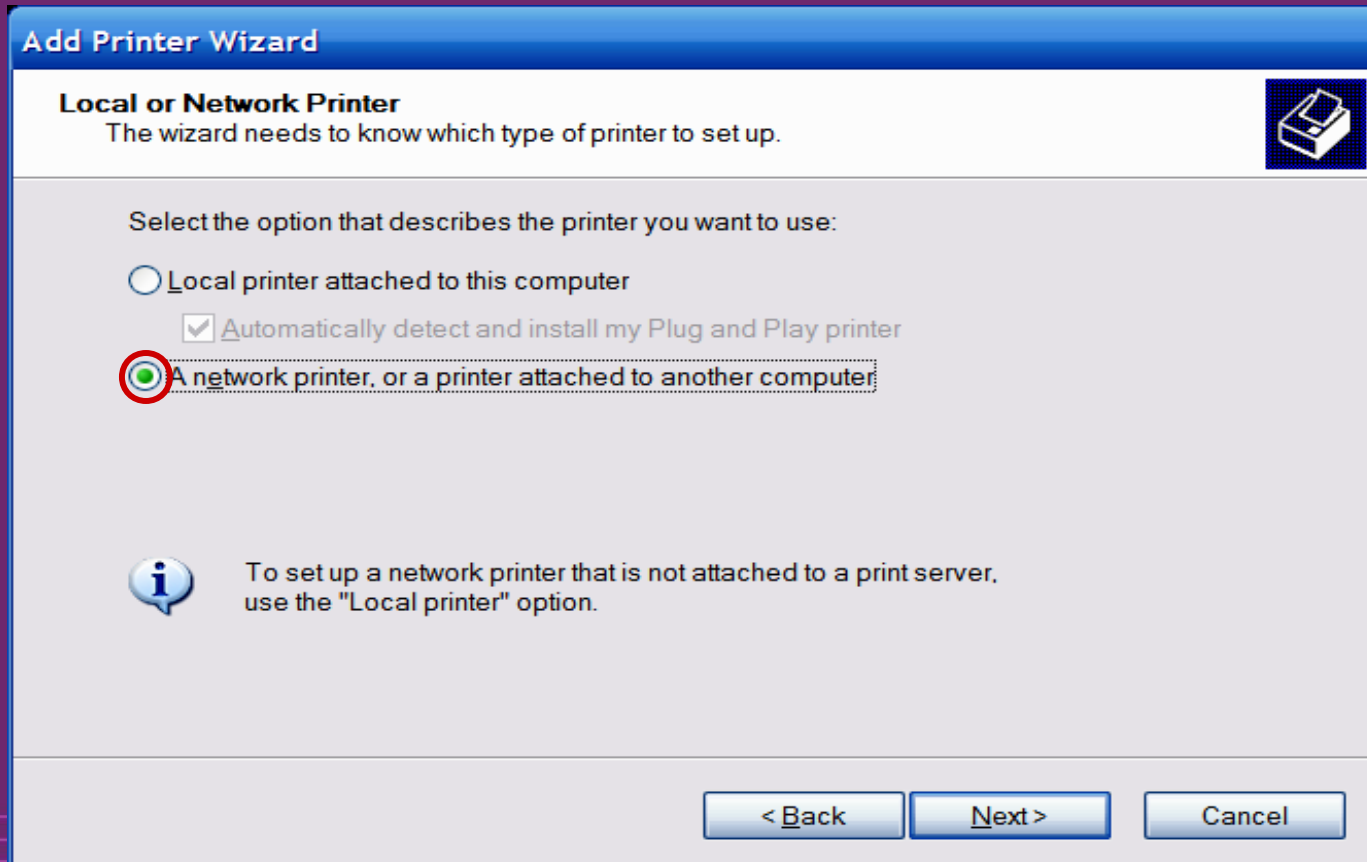




- Ta có thể xem lại và thay đổi các thông số của máy in này trong cửa sổ properties. Cấu hình các tính năng nâng cao và Permissions cho máy in này.

Ở máy tính không có máy in

Từ Start  Settings  Printers  Add Printer



Add Printer Wizard

Print Test Page

To confirm that the printer is installed properly, you can print a test page.



Do you want to print a test page?

Yes

No

< Back

Next >

Cancel



Add Printer Wizard



Completing the Add Printer Wizard

You have successfully completed the Add Printer Wizard.
You specified the following printer settings:

Name:	Net_Print
Share name:	Maychuane
Port:	LPT1:
Model:	HP Color LaserJet 4500
Default:	Yes
Test page:	No
Location:	Dung_PC
Comment:	May in cua Dung

To close this wizard, click Finish.

< Back

Finish

Cancel

Truy cập Tài nguyên thông tin



Truy cập tài nguyên mạng

- **Chú ý :**
 - **Để bảo vệ an toàn cho hệ thống và dữ liệu, mặc định Windows đã cài đặt sẵn phần mềm tường lửa (firewall), nhằm ngăn chặn mọi sự truy cập trái phép.**
 - **Để các PC cùng mạng có thể truy cập đến các thư mục đã được chia sẻ, ta phải tắt hoặc cấu hình lại hệ thống Firewall trên máy chia sẻ.**



Truy cập tài nguyên mạng

- Nhìn vào biểu tượng kết nối, có thể biết được Firewall đang ở chế độ **on** hay **off**

Firewall đang off



Out-Site

Connected

Compaq NC3120 Fast Ethernet NIC

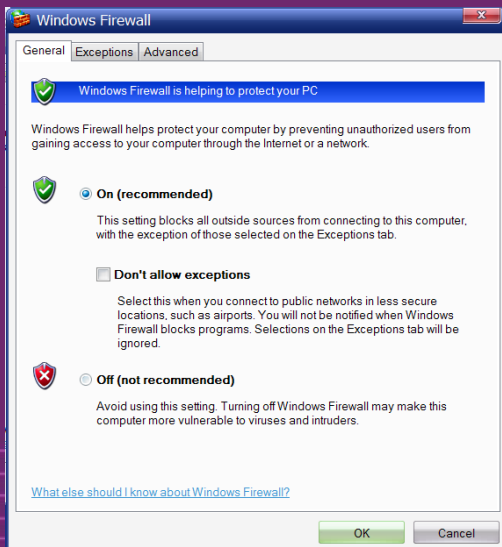
Firewall đang on

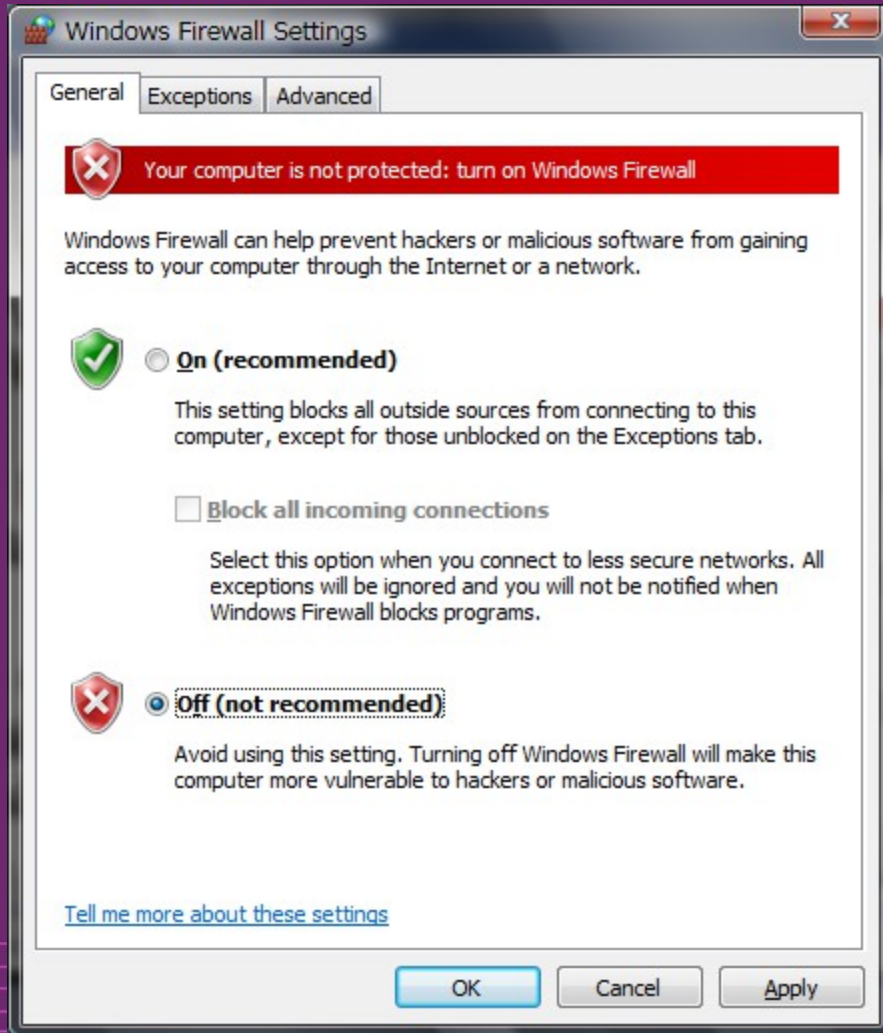





Out-Site

Connected, Firewallled

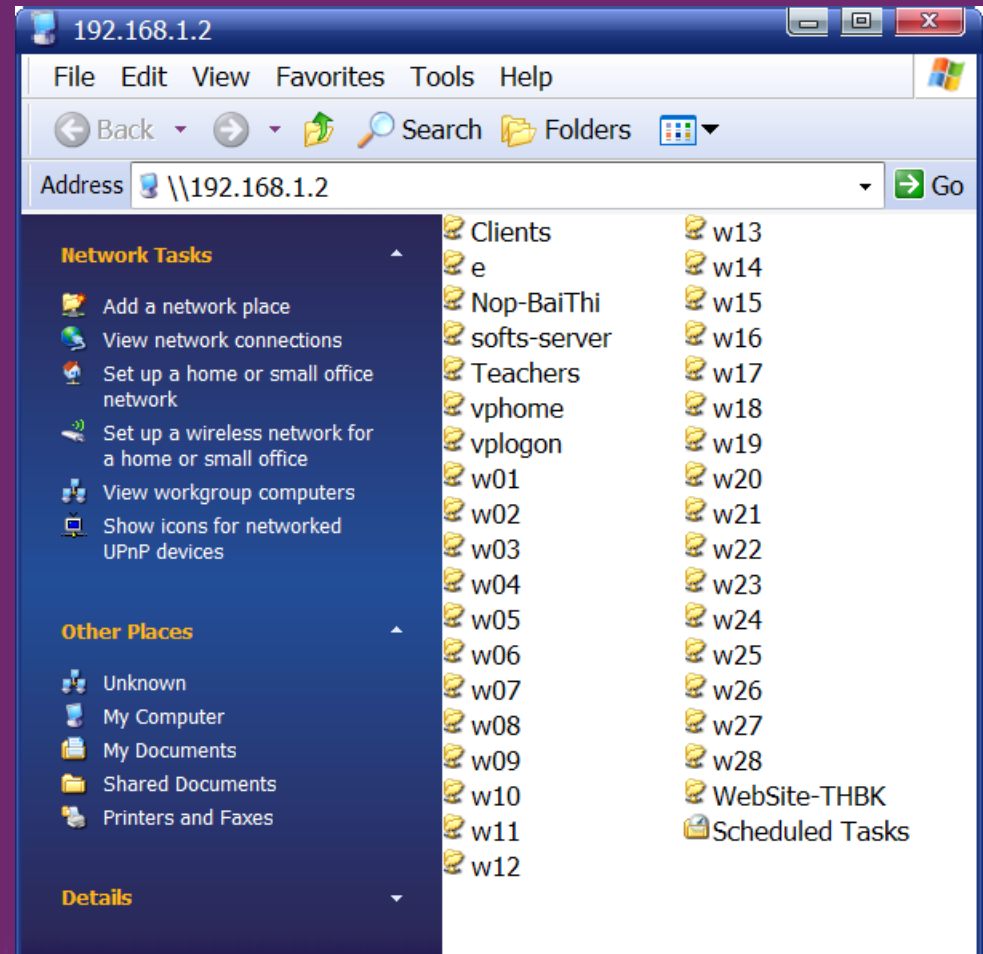
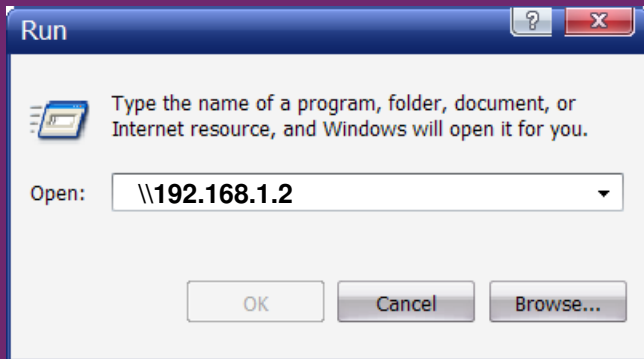
Compaq NC3120 Fast Ethernet NIC





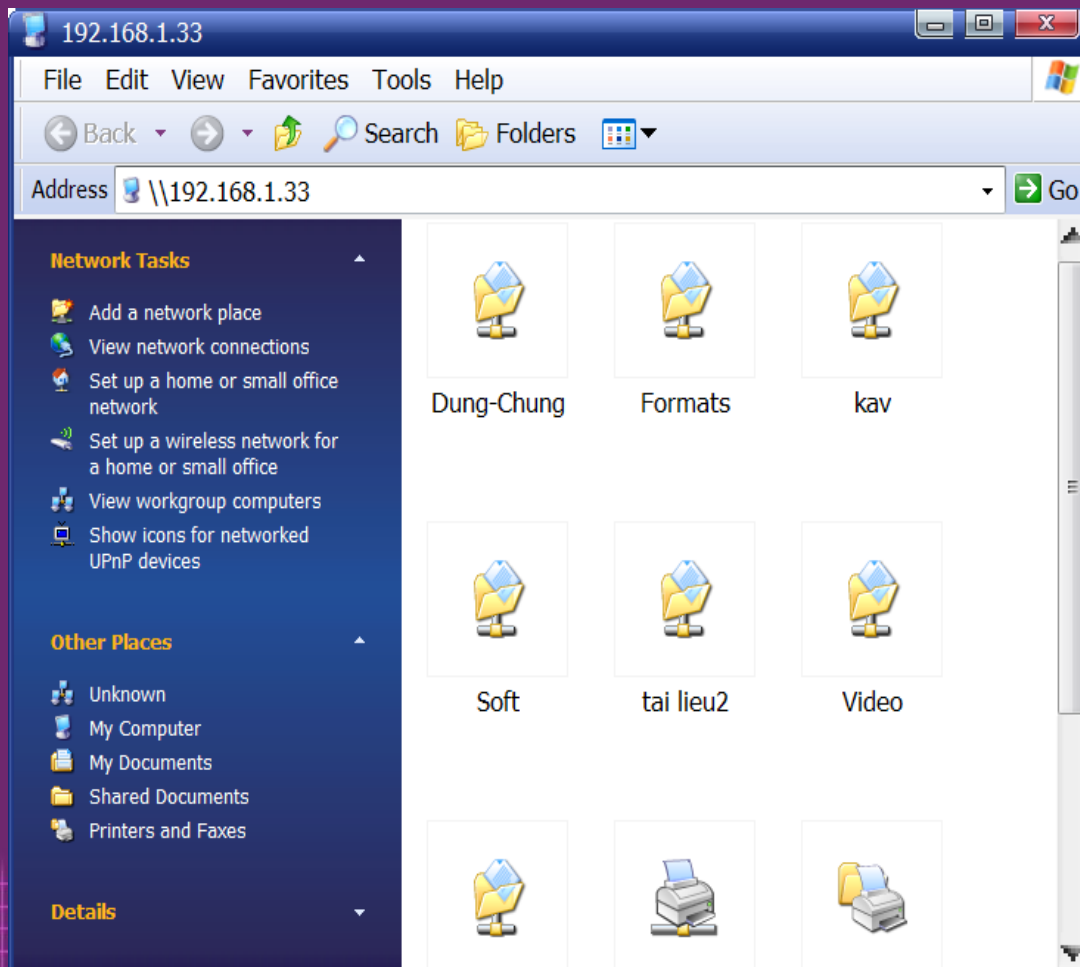
- Start  Settings 
Control Panel 
Windows Firewall
- Chọn Off để tắt Firewall, hoặc chọn tab Advanced để cấu hình tùy chọn nâng cao theo ý muốn.

Truy cập bằng Run



- Nhập vào hộp thoại Run IP hoặc tên PC sau dấu “\\”
- Nhập vào hộp thoại Connect tài khoản hợp lệ dùng để xác minh

Truy cập bằng Window Explore



- Mở WE nhập tên máy hoặc IP của máy cần truy cập vào thanh address.

tiến trình xảy ra giống như cách truy cập từ lệnh Run.

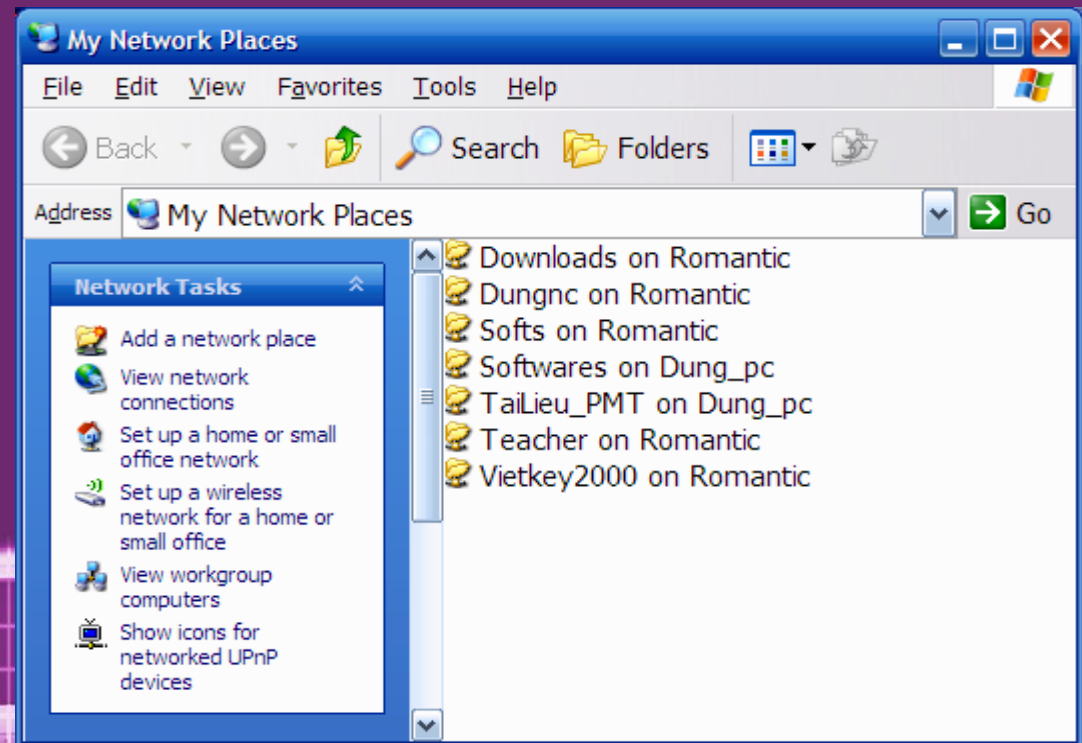
- Các thư mục, tài nguyên đã được chia sẻ xuất hiện sẵn sàng cho việc truy cập

Truy cập My Network Places



Từ màn hình Desktop, double click vào biểu tượng My Network Places

Tất cả các tài nguyên được share trên mạng đều xuất hiện tại đây

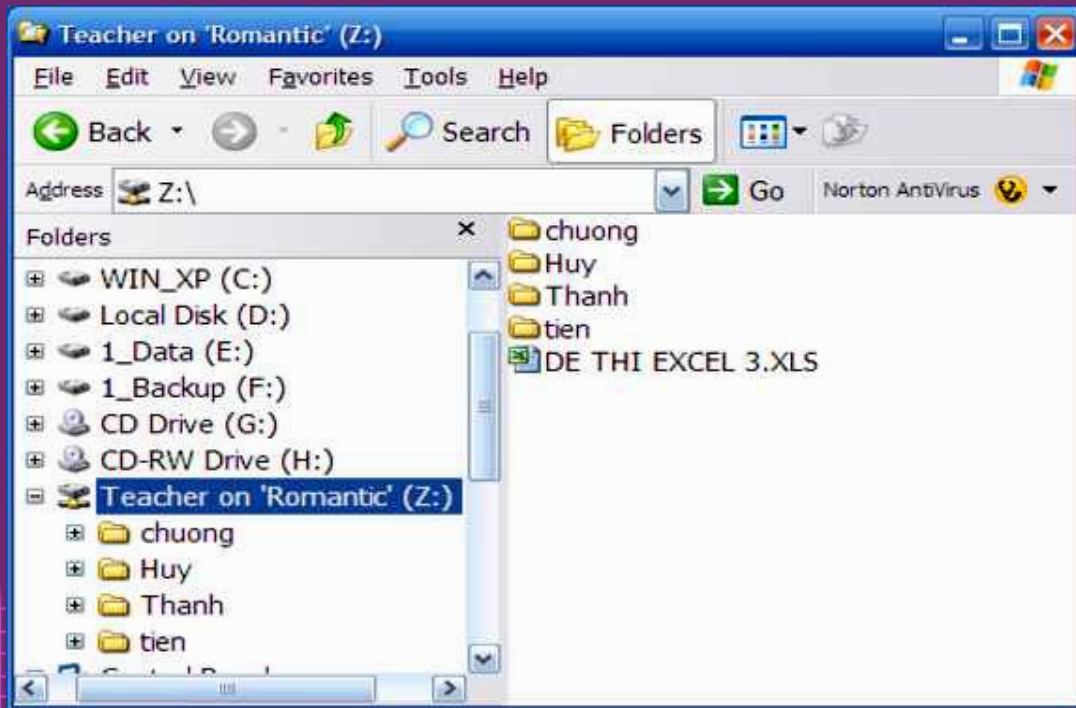


Ảnh x Thợ m c



1. Công dụng

- Biến 1 thư mục đã được chia sẻ trên mạng thành 1 ổ đĩa trên máy, sẵn sàng để sử dụng mỗi khi khởi động máy.

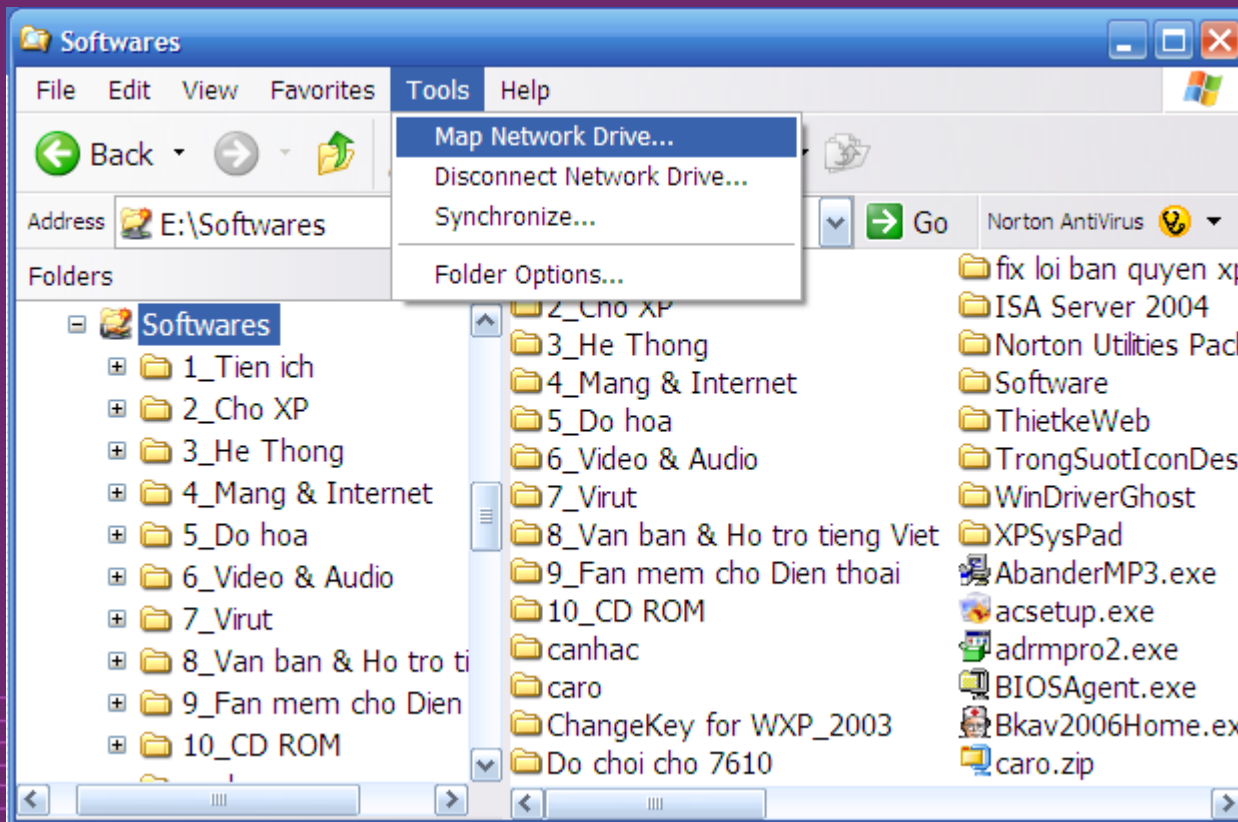


- Thư mục đó sẽ xuất hiện trong Windows Explore với biểu tượng ổ đĩa với đoạn dây mạng phía dưới

2. Phương pháp

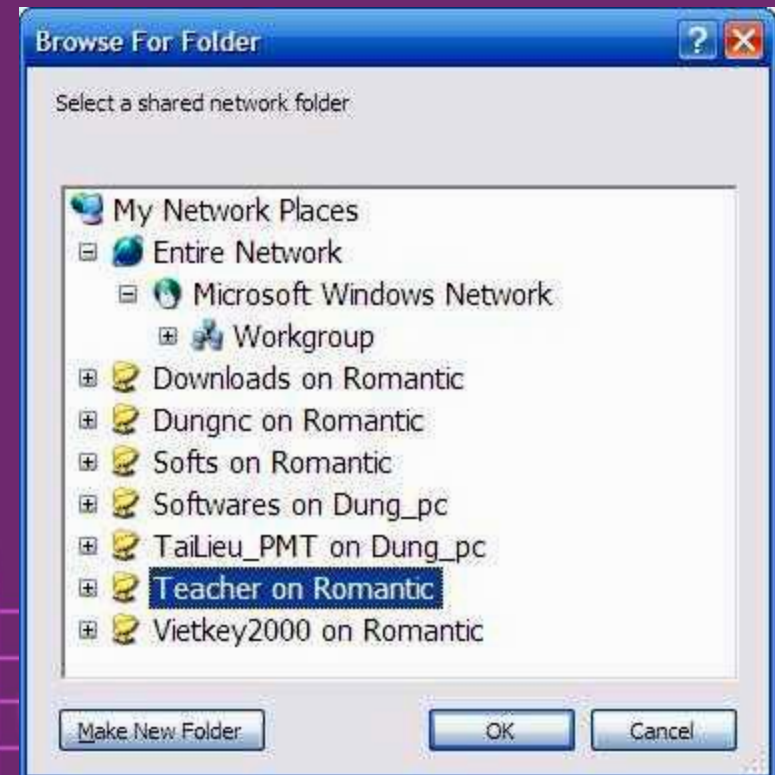
a. Ảnh x 1 thộpm c

- Mở trình duyệt Windows Explore



Trên thanh
Menu
chọn
Tools click
vào **Map
Network
Drive...**

- Xuất hiện hộp thoại Map Network Drive.
- Nhấn vào nút Browse...



- Chọn thư mục muốn ánh xạ, nhấn OK.



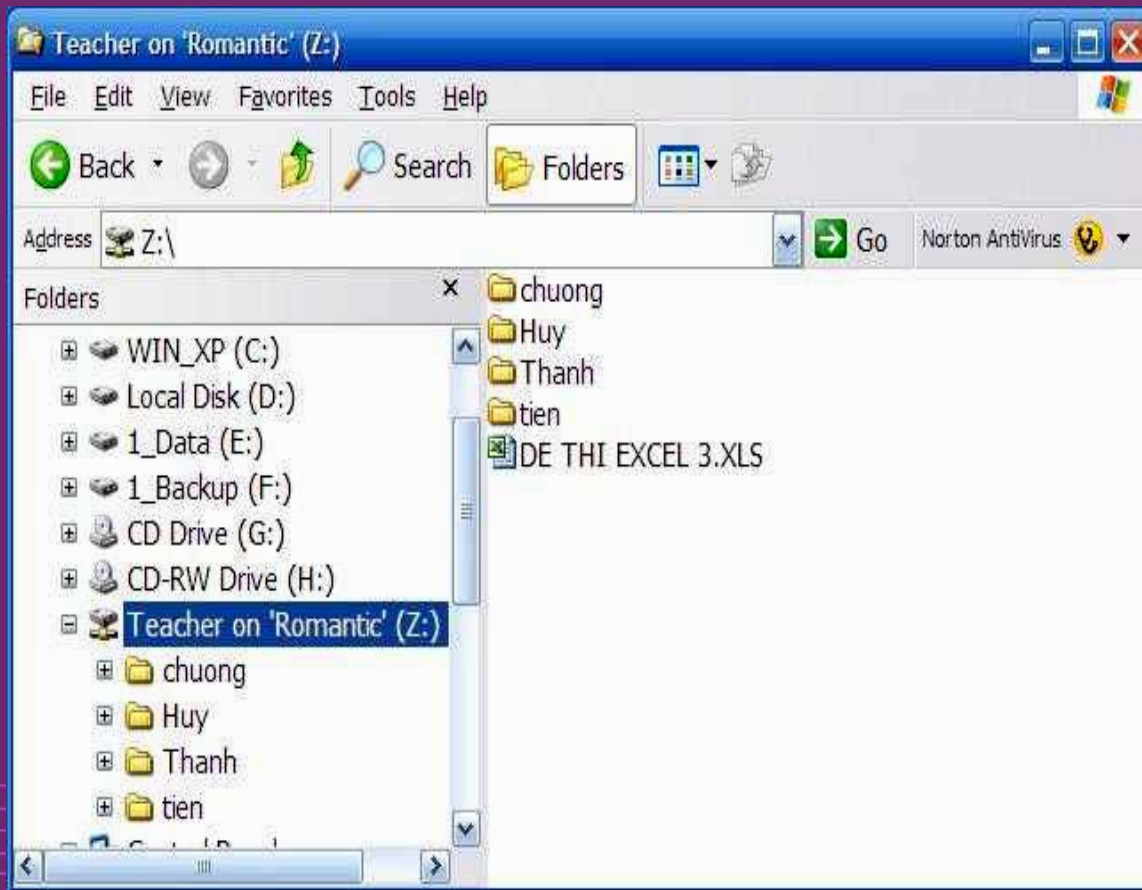
- Nhấn **Finish** để kết thúc



- Đường dẫn thư mục được ánh xạ xuất hiện trong **Text box Folder**. Cũng có thể nhập trực tiếp đường dẫn đến thư mục đã được chia sẻ.

- Nếu muốn lần sau khi khởi động máy thì thư mục này lại tiếp tục được ánh xạ thì check vào ô **Reconnect at logon**

▪ Thư mục được ánh xạ sẽ xuất hiện với tư cách là 1 Partition trong Windows Explore.



▪ Nhưng biểu tượng ổ đĩa này có thêm đoạn dây mạng phía dưới

b. Ngợng ánh x

**Khi không muốn ánh xạ thư mục đó nữa,
right click
vào biểu
tượng ổ
đĩa chọn
Disconnect**



The end.
Thanks!

